TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH N
Bản án số: 04/2020/HNGĐ - ST
Ngày 13/02/2020
(*V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N
Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà : Ông **Hà Thiện Thành**

Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Phong và** ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** – Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988; địa chỉ thôn 5, xã V, huyện V, tỉnh N; Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1990; địa chỉ thôn 5, xã V, huyện V, tỉnh N; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15 tháng 7 năm 2019, và các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H trình bày: Giữa anh Nguyễn Văn H và bị đơn là chị Nguyễn Thị V, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 23 tháng 11 năm 2009, tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai người chung sống cùng nhau tại thôn 5, xã V, huyện V, tỉnh N. Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị V chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi, đánh nhau, không quan hệ với nhau. Mâu thuẫn của vợ

chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho tới nay. Anh H thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh H đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị V.

Về con chung anh Nguyễn Văn H trình bày: Vợ chồng anh có hai con chung cháu lớn là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/7/2010; cháu nhỏ là Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 06/10/2013. Nếu được Toà án chấp nhận cho ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Kim G cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; còn chị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Thị Thu H, các bên phải không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị Nguyễn Thị V trình bày: Chị thừa nhận việc kết hôn giữa hai người đúng như anh H đã trình bày, về tình trạng hôn nhân chị V xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn đã được hai bên nội, ngoại khuyên bảo nhưng không có kết quả, mặc dù ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Chị cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Vì vậy, chị Nguyễn Thị V không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị V thừa nhận về số con chung như anh H đã trình bày. Nếu Toà án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn, chị V đề nghị Tòa án giao hai con chung là Nguyễn Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim G cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị hàng tháng với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị V; chị Nguyễn Thị V có nơi cư trú tại xã V, huyện V, tỉnh N, đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị V đã được Toà án nhân dân huyện V triệu tập hợp lệ đến phiên Toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh N vào ngày 23 tháng 11 năm 2009. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, sau khi kết hôn hai người sống hoà thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không hợp, kinh tế gia đình khó khăn, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau, đánh nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không được, Theo thời gian, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, nặng nề, thực tế vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 2 năm 2019 đến nay, cũng từ đó hai người không quan tâm đến nhau, quan hệ vợ chồng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Việc chị V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng các ngày xét xử đều vắng mặt không có lí do. Như vậy, việc chị V không đồng ý li hôn chỉ nhằm mục đích kéo dài thời gian, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên không có cơ sở chấp nhận. Điều này phù hợp với đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 08/10/2019 do anh H giao nộp cho Tòa án, có xác nhận của chi hội phụ nữ, trưởng thôn và UBND xã V. Điều đó chứng tỏ quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị V đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H.

[3] Về quan hệ con chung:

Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị V có hai con chung, cháu lớn là Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/7/2010; cháu nhỏ là Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 06/10/2013. Việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hội đồng xét xử xét thấy, chị V và anh H có hai con chung, cháu G đã trên ba tuổi, cháu H đã trên bẩy tuổi, anh H và chị V đều là người lao động tự do, có thu nhập, nhưng nếu giao cả hai cháu cho một người nuôi dưỡng thì sẽ là gánh nặng về kinh tế. Trong thời gian trước đây và hiện nay các con chung của anh H và chị V đều được nuôi dưỡng, chăm sóc đảm bảo tốt về mọi mặt. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Thị Kim G cho anh Nguyễn Văn H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; cần giao cháu Nguyễn Thị Thu H cho chị Nguyễn Thị V là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu H và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về quan hệ tài sản chung và công nợ chung: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy, vấn đề tài sản chung và công nợ chung, Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn H và Nguyễn Thị V được ly hôn;

2. Về con chung.

Giao cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Kim G, sinh ngày 06/10/2013;

Giao cho chị Nguyễn Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 14/7/2010;

Thời hạn nuôi con tính từ ngày 13/02/2020 cho tới khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Anh H và chị V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số AA/2013/0001278 ngày 23/7/2019.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

NƠI NHẬN

- Tòa án ND tỉnh N;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện V;
- VKSND huyện V;
- UBND xã T, huyện Q, tỉnh N;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Thiện Thành